TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: ***66****/2024/HNGĐ-ST*
Ngày: 04-6-2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Tài;

2. Bà Lê Thị Thu Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2024/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2024, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 217/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre, có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 03/6/2024.

Bị đơn: Anh Thạch Ngọc L, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn Lương Thị H trình bày:

Chị Lương Thị H và anh Thạch Ngọc L tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng ly thân đến nay đã 08 năm không hàn gắn được.

Vợ chồng chị có một con chung tên Thạch Ngọc T, sinh ngày 28/6/2014, hiện con đang sống chung với chị H.

Tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng chị H không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Do vợ chồng chị không còn tình cảm yêu thương nhau nữa nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh L, chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về con chung, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Thạch Ngọc L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phát biểu quan điểm về vụ án tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam nhận định:

Về tố tụng:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng và đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng. Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, các điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị H.

Về con chung: Giao cho chị H được quyền trực tiếp nuôi con, ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lương Thị H và nội dung tranh chấp cần phải giải quyết, Tòa án xác định đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc: " *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" được quy định tại các điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

Bị đơn Thạch Ngọc L hiện đang đăng ký thường trú và cư trú tại ấp A, xã A, huyện Mỏ Cày Nam nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo trình tự sơ thẩm.

Nguyên đơn Lương Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn Thạch Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 và các khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung giải quyết:

Xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lương Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Lương Thị H và anh Thạch Ngọc L tự nguyện kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre nên hôn nhân của chị H và anh L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, chị H và anh L sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ly thân đến nay đã 08 năm không hàn gắn được, nguyên nhân theo chị H khai là do vợ chồng không hòa hợp dẫn đến đổ vỡ hạnh phúc gia đình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hai bên đương sự nhiều lần để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh L không chấp hành, cho thấy anh L không có mong muốn hàn gắn và mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Các đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng nên không xem xét.

Về con chung: Vợ chồng chị H và anh L có một con chung tên Thạch Ngọc Thiên, sinh ngày 28/6/2014, hiện đang sống với chị H. Theo Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên từ đủ 07 tuổi trở lên thì cháu T mong muốn được tiếp tục sống chung với Mẹ cháu nên Hội đồng xét xử giao cho chị H được quyền trực tiếp nuôi con.

Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng chị H và anh L không có tài sản chung và không có nợ chung nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Xét thấy quan điểm và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227 và các khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 24 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị H.

Chị Lương Thị H được ly hôn với anh Thạch Ngọc L. Các đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

2.Về con chung:

Chị Lương Thị H được quyền trực tiếp nuôi con tên Thạch Ngọc T, sinh ngày 28/6/2014, hiện con chung đang sống chung với chị H.

Ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lương Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0003977, ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án huyện Mỏ Cày Nam là đủ.

5. Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, có quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

<u>Nơi nhận</u>:
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND H. Mỏ Cày Nam;*
- *Chi cục THADS H. Mỏ Cày Nam;*
- *UBND xã A;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, V. phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Lê Chí Nhân